

**BẢNG TỔNG KẾT ĐIỂM MÔN KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN
LỚP CDDĐ9B**

GV PHỤ TRÁCH: CN. Giang Thị Mỹ Kiều

Tín chỉ: 2

TT	Mã số HS-SV	HỌ VÀ TÊN		Điểm quá trình					ĐIỂM TBKT	Điểm thi	Điểm tổng kết	Thang điểm chữ	Xếp loại	GHI CHÚ
				10%	10%	20%								
				Chuyên cần	Bài tập, tiểu luận	KT1	KT2	KT3						
1	1510010060	Bùi Thị Vân	Anh	9.0	9.0	8.7	8.0	8.0	8.4	4.6	6.1	C	Trung bình	
2	1510010004	Trương Nhật	Anh	9.0	9.0	6.7	7.0	9.0	7.9	6.2	6.9	C	Trung bình	
3	1510010005	Lâm Ngọc	Châu	9.0	9.0	6.0	9.0	8.0	8.0	3.6	5.4	D	Trung bình yếu	
4	1510010007	Tô Hoàng	Dũng	8.0	9.0	8.2	7.0	9.0	8.2	4.6	6.0	C	Trung bình	
5	1510010009	Nguyễn Lê Ái	Duy	9.0	9.0	8.0	7.0	9.0	8.3	3.4	5.4	D	Trung bình yếu	
6	1510010062	Trần Vũ	Đang	9.0	9.0	7.2	9.0	8.0	8.3	5.2	6.4	C	Trung bình	
7	1510010011	Huỳnh Công	Hậu	9.0	9.0	8.5	9.0	8.0	8.6	4.6	6.2	C	Trung bình	
8	1510010013	Nguyễn Thị	Huệ	9.0	9.0	7.2	8.0	8.0	8.1	6.2	7.0	B	Khá	
9	1510010079	Nguyễn Vũ	Khánh	8.0	9.0	8.2	8.0	8.0	8.2	4.2	5.8	C	Trung bình	
10	1510010061	Nguyễn Phúc	Lâm	9.0	9.0	8.2	9.0	9.0	8.8	6.1	7.2	B	Khá	
11	1510010021	Dương Huỳnh Tú	Loan	8.0	9.0	8.2	8.0	9.0	8.4	4.3	5.9	C	Trung bình	
12	1510010025	Trần Thị Diễm	Mi	9.0	9.0	7.7	9.0	8.0	8.4	6.2	7.1	B	Khá	
13	1510010027	Diệp Như	Mỹ	8.0	9.0	8.2	8.0	9.0	8.4	3.1	5.2	D	Trung bình yếu	
14	1510010029	Phan Thanh	Ngộ	9.0	9.0	7.7	9.0	8.0	8.4	7.1	7.6	B	Khá	
15	1510010031	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	9.0	9.0	8.5	8.0	8.0	8.4	4.4	6.0	C	Trung bình	
16	1510010033	Trần Trọng	Nguyễn	9.0	9.0	8.5	9.0	8.0	8.6	6.1	7.1	B	Khá	
17	1510010073	Trần Thị Linh	Nhi	8.0	9.0	8.7	7.0	9.0	8.3	5.1	6.4	C	Trung bình	
18	1510010035	Nguyễn Ngọc	Nhiễn	8.0	9.0	9.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.6	B	Khá	
19	1510010037	Cao Thị Hồng	Nhung	9.0	9.0	9.0	7.0	9.0	8.5	4.0	5.8	C	Trung bình	
20	1510010066	Phan Huỳnh	Nhật	8.0	9.0	9.0	8.0	8.0	8.4	6.2	7.1	B	Khá	
21	1510010039	Đặng Văn	No	9.0	9.0	9.0	8.0	8.0	8.5	4.6	6.2	C	Trung bình	
22	1510010065	Tăng Hoài	Phong	8.0	9.0	7.0	9.0	8.0	8.1	5.4	6.5	C	Trung bình	
23	1510010042	Huỳnh Kim	Phượng	9.0	9.0	8.7	8.0	8.0	8.4	4.8	6.2	C	Trung bình	
24	1510010070	Bùi Thái	Tâm	9.0	9.0	8.2	9.0	8.0	8.6	6.1	7.1	B	Khá	
25	1510010048	Huỳnh Thị	Thích	9.0	9.0	7.7	9.0	8.0	8.4	3.8	5.6	C	Trung bình	
26	1510010069	Huỳnh Thị Kim	Thọ	9.0	9.0	8.0	8.0	9.0	8.5	6.8	7.5	B	Khá	
27	1510010050	Quách Kiến	Thực	8.0	9.0	9.0	8.0	9.0	8.6	3.8	5.7	C	Trung bình	
28	1510010068	Ngô Hoài	Thương	8.0	9.0	8.5	7.0	8.0	8.0	5.4	6.4	C	Trung bình	
29	1510010053	Lê Văn	Tuấn	9.0	9.0	9.0	8.0	8.0	8.5	5.9	6.9	C	Trung bình	
30	1510010055	Danh Thị	Tuyền	8.0	9.0	8.5	7.0	9.0	8.3	5.6	6.7	C	Trung bình	
31	1510010067	Mai Cẩm	Ý	9.0	9.0	8.0	9.0	8.0	8.5	3.6	5.6	C	Trung bình	

Ghi chú: Danh sách này có 31 sinh viên; đạt yêu cầu: 31, không đạt yêu cầu: 0

Xếp loại học tập: Giỏi: 0 Khá: 9 Trung bình 19 TB yếu 3 Kém: 0

Điểm tổng kết = (Trung bình kiểm tra * 4 + Trung bình thi * 6)/10

Bạc Liêu, ngày 20 tháng 12 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

GV PHỤ TRÁCH

LẬP BẢNG

Lý Chí Dũng

Giang Thị Mỹ Kiều

Huỳnh Điền Côn